

Số /PA-HĐBTGPMB Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

## **PHƯƠNG ÁN**

### **Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 điểm dân cư thôn Thái Bình, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn**

Căn cứ Luật Đất đai 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/2/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về việc sửa đổi tên gọi và một số điều của Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh về việc Chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 2019/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Triệu Sơn; số 3922/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 về việc chấp thuận cho phép các công

trình, dự án thực hiện trong năm 2020, cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 9118/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư Đồng Quan, thôn Thái Bình, xã Thái Hòa;

Căn cứ Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 1500/TLBĐ ngày 24/12/2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Triệu Sơn lập;

Căn cứ số liệu kiểm kê, dự toán bồi thường GPMB và phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 điểm dân cư thôn Thái Bình, xã Thái Hòa do Hội đồng GPMB lập;

Hội đồng BTGPMB lập phương án bồi thường GPMB dự án Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 điểm dân cư thôn Thái Bình, xã Thái Hòa, cụ thể các nội dung như sau:

**1. Đối tượng:** Các hộ gia đình, cá nhân có đất, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng bởi dự án.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 8 hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Thái Hòa.
- Số hộ có đất bị thu hồi: 8 hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Thái Hòa.
- Số hộ phải bố trí tái định cư: Không.
- Số lượng mồ mả phải di chuyển: Không.

**2. Tổng diện tích đất thu hồi:** 5.003,4 m<sup>2</sup> đất, trong đó đất trồng lúa (LUC): 4.479,2 m<sup>2</sup>, đất thủy lợi (DTL): 352,8 m<sup>2</sup>, đất giao thông (DGT): 171,4 m<sup>2</sup>.

### **3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng**

#### **3.1. Bồi thường Lúa**

Áp dụng các Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Đối với các hộ bị thu hồi đất trồng Lúa: Được bồi thường 1 vụ Lúa, đơn giá bồi thường Lúa là: 5.000 đ/m<sup>2</sup>.

**3.2. Đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất trồng Lúa bị thu hồi thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền, cụ thể:**

#### **- Bồi thường đất trồng Lúa**

+ Đơn giá bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi: Áp dụng theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019, Quyết định số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh.

+ Vị trí các thửa đất thu hồi: Vị trí 1.

+ Giá đất bồi thường: 40.000đ/1 m<sup>2</sup>.

**- Các chính sách hỗ trợ:** Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh, các chính sách hỗ trợ như sau:

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc bồi thường bằng tiền 40.000đ/1m<sup>2</sup> còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm với mức hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi (40.000 x 1,5 = 60.000đ/1m<sup>2</sup>).

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất

Các hộ bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 10.000 đồng/kg.

Các hộ bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 10.000 đồng/kg.

**3.3. Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc trên đất:** Không.

**3.4. Bồi thường cây cối, hoa màu:** Áp dụng các Quyết định của UBND tỉnh số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021.

**4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 514.606.320 đồng** (Năm trăm mười bốn triệu, sáu trăm không sáu nghìn, ba trăm hai mươi đồng); trong đó:

- Bồi thường về đất:	179.168.000 đồng.
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:	268.752.000 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống:	34.200.000 đồng.
- Bồi thường cây cối hoa màu:	22.396.000 đồng.
- Chi phí thực hiện GPMB:	10.090.320 đồng.

*(Chi tiết có Biểu tổng hợp kèm theo)*

**5. Nguồn kinh phí:** Do UBND xã Thái Hòa bố trí.

**6. Tiến độ thực hiện:** Quý III, năm 2021.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND huyện;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- UBND xã Thái Hòa;
- Lưu: VT, HDGPMB.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**PCT UBND HUYỆN  
Lê Phú Quốc**

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB**  
**Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư thôn Thái Bình, xã Thái Hòa**  
(Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBTGPMB ngày /7/2021 của Hội đồng BTGPMB huyện)

TT	Số hồ sơ	Họ và tên	Địa chỉ (Thôn)	Loại đất thu hồi	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đồng)				
								Bồi thường hỗ trợ về đất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường cây cối, hoa màu	Tổng
1	1	Nguyễn Thị Luyện	Thái Bình	LUC	21	727	14.6	584,000	876,000		73,000	1,533,000
2	2	Nguyễn Xuân Hương	Thái Bình	LUC	21	728	655.6	26,224,000	39,336,000	10,800,000	3,278,000	79,638,000
3	3	Hoàng Khắc Biểu	Thái Bình	LUC	21	754	687.0	27,480,000	41,220,000	10,800,000	3,435,000	82,935,000
4	4	Vũ Thị Xuân	Thái Bình	LUC	21	754	283.0	11,320,000	16,980,000		1,415,000	29,715,000
5	5	Nguyễn Thị Thinh	Thái Bình	LUC	21	779	1,602.8	64,112,000	96,168,000	1,800,000	8,014,000	170,094,000
6	6	Lê Thị Nhấn	Thái Bình	LUC	21	778	263.0	10,520,000	15,780,000		1,315,000	27,615,000
7	7	Nguyễn Thị Oanh	Thái Bình	LUC	21	805	973.2	38,928,000	58,392,000	10,800,000	4,866,000	112,986,000
8	8	UBND xã	Xã Thái Hòa	DTL	21	657	90.3	0	0	0	0	0
				DTL	21	804	136.2	0	0	0	0	0
				DTL	21	755	126.3	0	0	0	0	0
				DGT	21	753	171.4	0	0	0	0	0
<b>I</b>	<b>Tổng</b>						<b>5,003.4</b>	<b>179,168,000</b>	<b>268,752,000</b>	<b>34,200,000</b>	<b>22,396,000</b>	<b>504,516,000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí thực hiện GPMB (II) = (I)*2%</b>											<b>10,090,320</b>
<b>III</b>	<b>Tổng cộng (III) = (I)+(II)</b>											<b>514,606,320</b>